

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công và dự toán
Công trình: Khu tái định cư số 3, xã Cư Né, huyện Krông Búk

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;
Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014;
Căn cứ Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 của Chính phủ về việc quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 2932/QĐ-UBND ngày 30/10/2015 của UBND tỉnh về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng Khu tái định cư số 3, xã Cư Né, huyện Krông Búk;

Xét đề nghị của UBND huyện Krông Búk tại Tờ trình số 266/TTr-UBND ngày 30/9/2016 và Báo cáo kết quả thẩm định số 227/BC-SXD ngày 29/9/2016 của Sở Xây dựng,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công và dự toán công trình với các nội dung chính sau:

1. Tên công trình: Khu tái định cư số 3, xã Cư Né, huyện Krông Búk.

- Loại, cấp công trình: Hạ tầng kỹ thuật đô thị, cấp III.

- Chủ đầu tư: UBND huyện Krông Búk.

- Nhà thầu thiết kế xây dựng: Công ty TNHH Tư vấn xây dựng Hùng Đạt.

- Địa điểm xây dựng: Xã Cư Né, huyện Krông Búk.

2. Quy mô, giải pháp thiết kế:

a) Hạng mục san nền: San đào, đắp nền theo mặt bằng quy hoạch xây dựng chi tiết tỷ lệ 1/500, với tổng diện tích san nền 83.130,09m².

- Khối lượng đào 25.434,81m³;

- Khối lượng đắp 33.746,19 m³.

b) Hạng mục đường giao thông:

- Xây dựng nền, mặt đường, công trình thoát nước và hệ thống an toàn giao thông 14 tuyến đường, với tổng chiều dài 3.748,77m.

- Cấp kỹ thuật của đường đô thị:



+ Đường phố nội bộ: Cấp kỹ thuật 30 (tốc độ thiết kế 30 km/h) đối với các trục đường ĐN1, N1, N2, N3, N4, N5, N6, N7, D1, D2, D3, D4.

+ Đường phố gom: Cấp kỹ thuật 40 (tốc độ thiết kế 40 km/h) đối với các trục đường ĐN2, ĐN3.

- Mặt cắt ngang đường và chiều dài theo quy hoạch:

+ Đường phố gom:

TT	Tên đường	Quy mô mặt cắt ngang	Chiều dài (m)	Rộng (m)	Mặt cắt
1	Đường ĐN2	6,0m+7,5m+7,5m+6,0m	343,95	27,00	MC 3-3
2	Đường ĐN3	6,0m+7,5m+7,5m+6,0m	184,15	27,00	MC 3-3

+ Đường phố nội bộ:

TT	Tên đường	Quy mô mặt cắt ngang	Chiều dài (m)	Rộng (m)	Mặt cắt
1	Đường ĐN1	3,75m+3,75m+3,0m	494,25	10,50	MC 4-4
2	Đường N1	3,0m+3,5mx2+3,0m	254,45	13,00	MC 1-1
3	Đường N2	3,5m+2x5,5m+3,5m	307,85	18,00	MC 2-2
4	Đường N3	3,0m+3,5mx2+3,0m	121,35	13,00	MC 1-1
5	Đường N4	3,0m+3,5mx2+3,0m	406,83	13,00	MC 1-1
6	Đường N5	3,0m+3,5mx2+3,0m	244,90	13,00	MC 1-1
7	Đường N6	3,0m+3,5mx2+3,0m	478,94	13,00	MC 1-1
8	Đường N7	2,75m+2,75mx2+2,75m	146,78	11,00	MC 5-5
9	Đường D1	3,0m+3,5mx2+3,0m	285,00	13,00	MC 1-1
10	Đường D2	3,0m+3,5mx2+3,0m	118,50	13,00	MC 1-1
11	Đường D3	3,5m+2x5,5m+3,5m	251,30	18,00	MC 2-2
12	Đường D4	3,0m+3,5mx2+3,0m	109,95	13,00	MC 1-1

- Kết cấu áo đường cấp cao A2, Eyc \geq 91 Mpa (đường phố nội bộ) và Eyc \geq 110 Mpa (đường phố gom), cụ thể:

+ Đường phố nội bộ: Kết cấu áo đường từ trên xuống dưới như sau:

- Láng nhựa 3 lớp dày 3,5cm, tiêu chuẩn nhựa 4,5kg/m²;
- Tưới nhựa thấm bám tiêu chuẩn nhựa 1kg/m²;
- Cấp phối đá dăm loại 1 (Dmax=25mm) dày 15cm;
- Cấp phối đá dăm loại 2 (Dmax=37,5mm) dày 18cm;
- Nền đường đầm chặt Kyc \geq 0,98 trong phạm vi dày 50 cm.

+ Đường phố gom: Kết cấu áo đường từ trên xuống dưới như sau:

- Láng nhựa 3 lớp dày 3,5cm, tiêu chuẩn nhựa 4,5kg/m²;
- Tưới nhựa thấm bám tiêu chuẩn nhựa 1kg/m²;
- Cấp phối đá dăm loại 1 (Dmax=25mm) dày 15 cm;
- Cấp phối đá dăm loại 2 (Dmax=37,5mm) dày 25 cm;
- Nền đường đầm chặt Kyc \geq 0,98 trong phạm vi dày 50 cm.

c) Hệ thống kỹ thuật khác:

- Hệ thống thoát nước: Tải trọng thiết kế 0,65HL93 và HL93.

+ Công dọc: Tổng chiều dài 2.644,20m; khẩu độ D=40cm và D=60cm, cấu tạo bê tông cốt thép công nghệ quay ly tâm kết hợp và rung mác 300.

+ Công ngang và công dưới mặt đường: Tổng chiều dài 853,00m; khẩu độ D=40cm và D=60cm, cấu tạo bê tông cốt thép công nghệ quay ly tâm kết hợp và rung mác 300.

+ Giếng thu, giếng thăm: 159 cái.

+ Cửa xả: 01 cái, mương thoát nước dẫn ra cửa xả dài 240m, khẩu độ cống nổi cửa xả D=80cm dài 12m.

- Vía hè: Diện tích 19.539,80m²; kết cấu lát gạch Terrazzo loại 40x40x3cm, lớp đệm đá 4x6cm kẹp vữa xi măng mác 75 dày 10cm (đất nền đầm nén $K \geq 0,95$).

- Cây xanh đường phố: Trồng trên vỉa hè, cách mép trong lốc vỉa 1,2m.

- Hệ thống cấp nước sinh hoạt và phòng cháy chữa cháy: Sử dụng ống nhựa PVC và ống sắt tráng kẽm đường kính D42-D100; họng cứu hỏa bằng ống sắt tráng kẽm D100. Nguồn cấp lấy từ 03 giếng khoan bơm vào bể có dung tích 300m³ tại khu xử lý nước, phục vụ cho nhu cầu sinh hoạt và phòng cháy chữa cháy.

d) Khu xử lý nước:

- Nhà điều hành, kho chứa: Nhà tiêu chuẩn cấp IV, 01 tầng có diện tích 72m². Móng đơn và móng tổ hợp bằng bê tông cốt thép đặt nông trên nền thiên nhiên; hệ cột, dầm bằng bê tông cốt thép đá 1x2 mác 200; tường xây gạch không nung cao 1,5m, phần còn lại bao che bằng tole; nền bằng bê tông đá 1x2 mác 200; mái lợp tole, xà gồ thép, vì kèo thép hình; cửa đi sắt kéo, cửa sổ khung sắt kính; Trong nhà lắp đặt hệ thống cấp điện chiếu sáng, ...

- Nhà trạm bơm cấp 2: Nhà tiêu chuẩn cấp IV, 01 tầng có diện tích xây dựng 60m². Móng đơn bằng bê tông cốt thép đặt nông trên nền thiên nhiên; hệ cột, dầm bằng bê tông cốt thép đá 1x2 mác 200; tường xây gạch không nung, toàn nhà bả matit, sơn nước. Nền: một phần lót đá 4x6 vữa xi măng mác 50 dày 100, láng vữa xi măng mác 75 dày 3cm và một phần lát gạch ceramic 400x400. Mái bằng bê tông cốt thép; cửa đi chính bằng sắt kéo, cửa đi phụ và cửa sổ khung sắt kính; trong nhà lắp đặt hệ thống cấp điện, ...

- Bể chứa nước bằng bê tông cốt thép, dung tích 300m³, đặt ngầm dưới đất.

- Hệ thống thiết bị xử lý nước.

- Nhà để xe, bảo vệ và khuôn viên sân bãi.

- Hệ thống cấp điện: Xây dựng mới đường dây trung áp 22Kv dài 600m đấu nối với hệ thống điện khu vực, cung cấp tới 03 trạm biến áp công suất 400KVA, 630KVA và 1000KVA; tụ bù hạ áp được đấu nối từ nguồn dọc theo đường vào buôn Đhĩa 1 và Buôn Đhĩa 2.

- Đường dây trung áp, hạ áp: Sử dụng dây cáp vện xoắn ABC hoặc CXV.

- Hệ trụ bê tông ly tâm cao 12m bố trí dọc theo các trục đường giao thông.

e) Hệ thống điện chiếu sáng: Sử dụng bóng Sodium 150w, cần 3m gắn trên trụ bê tông ly tâm và trụ thép mạ kẽm nhúng nóng cao 7m.

g) Hệ thống báo hiệu và công trình phòng hộ.

3. Giá trị dự toán xây dựng công trình : 51.618.514.000 đồng
(Năm mươi một tỷ, sáu trăm mười tám triệu, năm trăm mười bốn ngàn đồng)

Trong đó:

- Chi phí xây dựng	:	42.681.375.000 đồng
- Chi phí thiết bị	:	1.240.770.000 đồng
- Chi phí quản lý dự án	:	735.696.000 đồng
- Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng	:	2.381.089.000 đồng
- Chi phí khác	:	3.040.280.000 đồng
- Chi phí dự phòng	:	1.539.304.000 đồng

Điều 2. UBND huyện Krông Búk (chủ đầu tư) chịu trách nhiệm thực hiện các nội dung tại Điều 1 Quyết định này và quản lý đầu tư xây dựng công trình theo đúng quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Xây dựng, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Kho bạc Nhà nước tỉnh; Chủ tịch UBND huyện Krông Búk và Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Như Điều 3;
- Các PCVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT- CN (T.18)

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Tuấn Hà